
**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐÍNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

Kinh Phúng Tụng (Sangiti Sutta) 2

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[13/07/2022 - 03:26 - buithibuukim]

KINH PHÚNG TỤNG (2)

Bài giảng ngày 13/12/2016

DN.52 – Kinh Phúng Tụng – Sangitisutta (33.2)

Chúng ta đang học phần đầu của Kinh Phúng Tụng (nói dễ hình dung là Kinh Kiết Tập) bởi vì nội dung Kinh là tổng hợp tất cả những vấn đề lớn nhất, quan trọng nhất của toàn bộ Phật ngôn.

Ngày xưa khi Kinh điển chưa được kiết tập và hệ thống thành Bộ này Tạng kia thì Phật ngôn được truyền thừa bằng hình thức khẩu truyền, bài Kinh này được xem là Tam Tạng tóm tắt. Những tăng ni, Phật tử không có khả năng học thuộc Tam Tạng thì tối thiểu thuộc lòng và hiểu đủ từng vấn đề giáo lý trong bài Kinh này là có thể coi như nắm được căn bản. Hiểu đủ đây là phải hiểu những vấn đề giáo lý trong bài Kinh này trên cả ba Tạng. Tức từ góc độ A Tỳ Đàm tạng, Kinh tạng và Luật tạng; chứ không phải chỉ riêng một tạng Kinh hoặc A Tỳ Đàm thôi. Không gì đáng tiếc bằng chỉ thuộc lòng một bài Kinh mà không hiểu được những chỗ cần hiểu, những chỗ sâu kín theo tạng Luật hay theo A Tỳ Đàm. Tệ nữa là hiện tượng chỉ căn cứ vào bản dịch Hán Việt để hiểu. Nhiều người hiện nay chỉ dựa vào bản dịch của ngài Minh Châu rồi theo đó mà hiểu mà suy luận ra. Nói chung là hiểu Kinh Tạng theo trình độ tiếng Việt của bản thân trong khi tiếng Hán Việt mình đã không xong, còn chưa biết trình độ mình nằm ở đâu. Hôm nay vào internet nghe nhiều phần luận giải rất là đau lòng! Mạnh ai nấy suy diễn trong khi Chú giải sờ sờ ra đó mà không chịu đọc (cả bản Chú giải tiếng Anh). Chú giải không thèm đọc đầu ở bất cứ ngôn ngữ nào thì làm sao hiểu được Kinh Tạng? Tôi nói chuyện dễ gây méch lòng nhưng đó là chuyện cần nói. Tức là đừng dựa vào ‘tiếng Việt của mình’ mà đi suy luận suy diễn Kinh Tạng, hoặc suy diễn mà chỉ dựa theo bản dịch của ai đó thì chết!

Tôi trở lại vấn đề giáo lý đầu tiên của Kinh Phúng Tụng. Ngài Xá Lợi Phất nhắc lại vấn đề giáo lý: “Thế giới này tồn tại theo thức ăn”. Thức ăn đây từ chữ Pali là ‘ahara’: thực phẩm = food.

Chữ ahara từ verb ‘arahati’: nghĩa là mang đến

Tất cả những gì mang lại đem đến sự có mặt của sự vật sự kiện gì trên đời đều được gọi là ‘thực phẩm’ theo nghĩa Kinh điển. Như vậy ở đây thực phẩm nó là nhân duyên.

Thực phẩm = nhân duyên.

Tức là cái gì, điều kiện nào đem lại chuyện này chuyện nọ thì nó gọi là thực phẩm. Nên chữ thực phẩm ở đây hiểu rộng và sâu như vậy (nhân duyên). Ta sanh tử luân hồi là do phiền não tạo ra các tâm đầu thai. Chính các tâm thiện Dục giới, tâm thiện Sắc và Vô sắc đem lại các tâm đầu thai. Vì đâu mình có tâm ác có tâm thiện? Là do có các điều kiện, các nhân duyên. Nói vậy có nghĩa tất cả mọi thứ trên đời đều là điều kiện, nhân duyên gián hay trực tiếp cho sự có mặt của chúng ta trong thế giới sanh tử này. Vì KHÔNG CÓ GÌ TRÊN CUỘC ĐỜI NÀY NẴM NGOÀI 6 CĂN 6 TRẦN

VÀ 6 THỨC. Không có gì nằm ngoài con số 18 đó. Một cọng cỏ, sợi tóc, hạt cát, một đóa hoa, ngọn núi, hồ nước, một đại dương, bốn biển, cả hành tinh này và vô số thiên thể, tinh tú ... tất cả đều nằm gọn trong 6 căn 6 trần 6 thức. Tất cả những gì 6 căn 6 trần 6 thức đó chỉ cần chúng ta nhìn nó từ góc độ của tham ái vô minh tà kiến thì tất cả đều là nhân duyên, là điều kiện dẫn đến sanh tử hết. Ta nhìn một sợi tóc, một giọt nước, giọt sương bằng cái tâm tham ái, chúng đó đủ để ta đi đầu thai kiếp khác rồi. Còn chuyện tôi đầu thai vô đó tôi làm người, làm con chó, con mèo, con ong bướm ... chuyện đó là những nghiệp thiện ác khác nữa mà tôi đã làm ngoài ra.

Nói vậy có nghĩa là cái gì trên đời này nó cũng có thể là điều kiện, là nhân duyên thúc đẩy gián hay trực tiếp vào chuyện mình có mặt sanh tử, luân hồi. Đó là lý do tại sao ngài Xá Lợi Phất nhắc lại câu Phật ngôn “Sabbe satta aharatthitika”: Tất cả chúng sanh trên đời này tồn tại đều nhờ vào các nhân duyên, các điều kiện. Sở dĩ có chữ ‘thực phẩm’ do nghĩa đen ban đầu của nó là thực phẩm. Nhưng ở đây, như những gì hôm qua chúng tôi đã giải thích căn cứ vào Chú giải thì chữ ‘ahara’ (thực phẩm) này phải hiểu ngầm nó đồng nghĩa với ‘nhân duyên, điều kiện’.

Có tất cả 4 thực phẩm (4 điều kiện) để chúng ta có mặt trên đời này:

1- Đoàn thực: Thực phẩm chúng ta bỏ vào mồm, tức là thức ăn và nước uống.

2- Điều kiện sinh tồn tiếp theo là Xúc thực. Chúng ta sống trên đời có khoảnh khắc nào mà 6 căn nó không làm việc không? Tôi khẳng định là không hề có. Không có khoảnh khắc nào trong đời quý vị, dầu quý vị đang ngủ, đang bị coma, ngất xỉu, hôn mê hay đang ăn đang uống, đang ngồi nghe chúng tôi giảng, đang làm bếp, làm vườn, lái xe ... không có một khoảnh khắc nào mà 6 căn nó không làm việc, tức là nó không tiếp cận với 6 trần. Chuyện đó không có. Tôi đã nói rồi, khi tôi nhìn một giọt nước mà tôi thấy thích thì đó cũng là nhân sanh tử. Khi tôi nhìn một giọt nước mà tôi bất mãn, cái bất mãn đó cũng là điều kiện hỗ trợ cho sanh tử. Tham hay sân đều là điều kiện để hỗ trợ cho sanh tử hết. Nói chung phiền não đều là điều kiện tạo ra (trợ sinh hoặc trợ lực) cho sanh tử.

‘Xúc’ đây là chuyện căn cảnh nó hợp mặt nhau, gathering nhiều hơn touching. Xúc là sự hợp mặt của căn, cảnh và thức. Có nghĩa nói nôm na là 6 căn làm việc cũng là 6 xúc có mặt. Cho nên nói chuyện tu hành của mình là chuyện giải quyết 6 xúc cũng không sai. Ngày xưa chưa biết Đạo mình không tu hành gì hết, mình để cho mắt tiếp cận bất cứ hình ảnh nào mình muốn. Để cho tai tiếp xúc bất cứ tiếng động âm thanh nào. Bây giờ mình bớt rồi. Đặc biệt thí dụ những ngày Bát Quan, những hình ảnh nào được xem là ca vũ kịch, âm thanh nào được coi là nhạc thì mình né. Đó rõ ràng là mình đang dàn xếp, đang chỉnh đốn lại 6 xúc của mình. Bởi vì ngày xưa xúc nào mình cũng ok cũng để cho nó xảy ra diễn ra hết; xúc nào cũng thấy bình thường như nhau. Bây giờ thọ Bát Quan trai rồi thì sau 12g mình không để cho cái thiết xúc tự tung tự tác nữa (giới thứ 6). Còn giới 7 – 8 là không để cho tai mình, mắt mình nghe nhìn cái gì thuộc về ca vũ nhạc kịch nữa. Chưa kể mình không còn sát sinh nữa, mình không còn trộm cắp, không còn thoả mái trong quan hệ tình dục nữa. Đó là mình đang làm việc với 6 xúc. Còn người không tu thì cứ để 6 xúc tung hoành nó muốn sao thì muốn. Vậy rõ ràng 6 xúc là nhân trực tiếp hay gián tiếp cho tái sanh, dẫn đến có mặt trong đời, dẫn đến những buồn vui trong đời này. Cho nên nó cũng là một thứ thực phẩm.

3- Tư niệm thực (nghiệp thực). Các nghiệp thiện ác trong đời chính là nhân duyên, là điều kiện tạo ra sự có mặt của mình trong đời. Mình sanh tử, siêu đọa, buồn vui đều do các nghiệp. Chữ ‘sancetana’ hay ‘cetana’ đây là ám chỉ cho chủ ý của mình trong tất cả hoạt động, hành động sinh hoạt lớn nhỏ. Đó là nghiệp thực hay tư niệm thực.

4- Thức thực – vinnanahara: ám chỉ thức tái sinh.

Nếu không học A Tỳ Đàm thì không hiểu tại sao thức tái sinh lại nằm ở vị trí thứ tư này và nó là một loại thực phẩm. Rất quan trọng, rất thú vị: Ta thích – ghét cái gì là coi như đang âm thầm tạo ra một tâm tái sinh tương ứng với sự thích – ghét ấy.

Thích nhìn cái này, thích ngửi mùi này, đó là dục ái, (tham trong dục). Ghét mùi này ghét vị kia, ghét mùi nọ đó là sân trong dục. Khi anh có hai cái này anh phải hiểu ngầm là đang gieo chủng tử đầu thai trong cõi Dục. Còn chuyện sanh trong cõi Dục mà anh làm trời, làm người, làm con chó, con heo thì đó là nghiệp khác. Nhưng phải nói chuyện đầu tiên anh thích này ghét kia (trong 5 dục) là anh đang gieo chủng tử cõi Dục:

- Dục ái và sân (thích và ghét trong 5 dục) là gieo giống Dục giới.

- Ghét 5 dục và thích thiên (định) thì gieo chủng tử Phạm thiên.
- Tu Quán là nhằm chán tất cả, nếu đủ ba la mật thì chấm dứt tất cả.

Nói vậy có nghĩa là chỉ cần nhắc tới tâm đầu thai là chúng ta bắt buộc PHẢI NHẮC TỚI NGHIỆP ĐẦU THAI. Như vậy nhắc đến thức tái tục tức là tâm đầu thai thì TA PHẢI NHẮC ĐẾN NGHIỆP ĐẦU THAI 3 CỖI. Loại thức ăn thứ tư này là minh họa cho loại thức ba. Do loại food thứ ba (Tu niệm thực) mà có cái thức tư (Thức thực). Do có cái thức tư mà ta có mặt ở những môi trường hoàn cảnh thích hợp cho các loại nghiệp mới. Không biết có hiểu không ta? Cái này rất – rất quan trọng. Tức là nhắc đến thức tái tục tức là tâm đầu thai ta phải nhắc đến nghiệp đầu thai 3 cõi. Đó là loại food.

- Do có tâm đầu thai cõi Dục tôi mới sanh làm con heo, con bò, sanh làm đàn ông đàn bà ở cõi Dục. Chính vì tôi làm heo nên tôi thích sinh hoạt kiểu con heo. Do nghiệp Dục giới cộng với ác nghiệp khác nên tôi làm con bò và tôi có cái sinh hoạt của con bò.

- Do dục ái và sân cộng các nghiệp thiện ác: tôi bôn xên hay có bố thí, tôi trì giới hay không trì giới, những cái đó cộng với nghiệp phiền não kia nó dẫn tôi làm nam hay nữ. Mà khi làm nữ làm đàn bà thì tôi sẽ có những sở thích gì, ghét cái gì, thường xuyên sống nhiều cho cái gì và sống nhiều trong cái gì chắc chắn là có khác nhau, đừng nghĩ là giống nhau. Tức là do có thức tái sinh nó đẩy anh vào cảnh giới nào: cảnh giới sa đọa Dục giới, cảnh giới thiên cõi Phạm thiên. Cõi Phạm thiên họ sống chết trong thiên, nó đơn giản hơn mình, cõi Dục giới mới rối. Do còn dục ái và sân nên khi đầu thai cõi Dục một là tôi được làm người. Hai là tôi sanh vào các cảnh giới sa đọa. Nếu làm người thì thân người là điều kiện để tôi tạo các nghiệp thích hợp với thân người. Thí dụ làm người tôi mới biết bố thí, trì giới. Có thân người tôi mới biết trang điểm, ăn ngon mặc đẹp, nhà cao cửa rộng. Làm thân người tôi mới biết đi trộm cướp, lừa đảo, lật lọng. Chớ nếu làm con heo thì tôi đâu biết làm mấy chuyện đó, đâu biết giữ giới tham thiên ... Có nghĩa CHÍNH THỨC TÁI SINH NÓ LÀ CỦA NGÕ dẫn đến các nghiệp thiện ác của mỗi loài:

Do mỗi khoảnh khắc thiện ác mà ta tạo ra các tâm đầu thai.

=> Chính vì có tâm đầu thai nên ta có mặt ở các cảnh giới.

=> Chính vì có mặt ở các cảnh giới mà ta có kiểu sống, kiểu hoạt động, kiểu tạo nghiệp TƯƠNG ỨNG.

Mang thân trâu bò tôi có kiểu bất thiện của trâu bò. Mang thân người thì tôi có kiểu bất thiện của con người. Mang thân dục thiên (chư thiên cõi Dục) thì tôi có kiểu bất thiện của dục thiên. Nhớ nghe, cái này rất quan trọng. Tôi nhắc lại:

“Do mỗi khoảnh khắc tôi đã **ÂM THÂM KÍN ĐÁO LẶNG LẼ** tạo ra các tâm đầu thai để đi về các cõi. Khi có mặt ở các cõi thì mỗi cảnh giới đó chính là môi trường thích hợp cho những hạnh nghiệp tiếp theo”.

Người tu Tứ Niệm Xứ là người nhận rõ rằng mình đang ở cảnh giới nào, và **KHÔNG CHẠY THEO THÓI QUEN SINH HOẠT CỦA ĐA PHẦN CHÚNG SANH QUANH MÌNH**. Thí dụ tôi là một phụ nữ và là một hành giả thì tôi không tiếp tục chạy theo phẩn sơn mỹ phẩm. Tôi không để tâm tôi chạy theo cái toan tính, hờn giận, nhỏ mọn của đàn bà. Nếu tôi là đàn ông thì tôi né, tôi tránh những thích – ghét của đa phần đàn ông phạm phu quanh tôi. Như vậy, tu Tứ Niệm Xứ là mình tháo cởi xiềng xích thói quen sinh hoạt trong cảnh giới mình đang có mặt.

Tôi nhắc lại cả bốn thứ thực phẩm này có thể hiểu là 4 thứ nhân duyên hay 4 thứ điều kiện gián hay trực tiếp dẫn đến hay tác động xa gần lên dòng sinh tử của mình. Đó là lý do tại sao 4 thứ này được gọi là 4 thứ thực phẩm.

Sẵn đây tôi nói luôn. Bà con nhớ rằng Bồ Tát Chánh Đẳng Giác khi được thọ ký, kiếp nào quên thì thôi, kiếp nào nhớ thì Ngài không muốn có mặt ở những cảnh giới không có điều kiện tu tập ba la mật. Ngay cả khi mang thân người trong môi trường sống nào mà không giúp ích cho chuyện tu tập thì Ngài cũng né. Thí dụ Ngài đang làm vua thì Ngài sẵn sàng bỏ ngôi vua nhường ngôi cho ai đó Ngài đi tu. Vì sao? Là vì Ngài không muốn chìm sâu trong môi trường sống mình đang có mặt. Đây là điều rất quan trọng:

TU TẬP LÀ KHÔNG ĐỂ MÌNH CHÌM SÂU TRONG MÔI TRƯỜNG SỐNG MÀ MÌNH ĐANG CÓ MẶT.

Cái này rất quan trọng! Tại sao gọi là con heo, tại sao gọi là con trâu, tại sao gọi là súc sinh? – Là bởi vì nó sanh ra trong môi trường nào thì nó chìm sâu trong môi trường đó. Nó chớ hề nghĩ ra chuyện vượt thoát. Trong khi con người – mà là người có trí thì họ lại khác:

- Có trí mà bậc thấp thì họ muốn thoát khỏi cảnh nghèo. Muốn thoát khỏi cảnh sống mà thiếu hoạt động văn hóa.

- Cao một chút nữa thì họ muốn thoát khỏi nếp sống cơm áo gạo tiền.

- Cao hơn chút nữa họ muốn vượt thoát khỏi đời sống tâm tưởng nghèo nàn của một người mà chỉ biết có vợ/chồng con cái, tình cảm thân thuộc. Mà phải nghĩ đến cộng đồng xã hội, đất nước dân tộc.

- Xa hơn nữa họ nghĩ đến nhân loại, đến hành tinh.

Các vị có nghe kịp không, cái đó quan trọng nghe! Tức là từng lớp. Cấp một là không muốn mình nghèo đói nữa. Cấp hai là muốn thoát khỏi tình cảm gia đình. Cấp 3 thì cái tình của họ vượt thoát khỏi tình gia đình, dân tộc đất nước. Họ nghĩ đến nhân loại đến vũ trụ, đến hành tinh. Cho nên bậc đại nhân không phải là người cao, mập, bự, nặng mà là người có trái tim, có khối óc cao rộng. Ông Napoléon Bonaparte của Pháp tương truyền không cao lắm. Có lần một ông tướng dưới quyền ông nói cạnh khước: ‘Ngài ngồi cao hơn tôi mà ngài lùn hơn tôi’. Napoléon mới nói thế này: “ You đừng nói là you tall hơn tôi. You chỉ dài hơn tôi thôi”. Dài nghĩa là mai này chết cái hòm you dài hơn. Bây giờ you còn sống thì cái giường you dài hơn. Tức là mình coi chừng làm sao mình chỉ lớn con, chỉ dài hơn người ta chớ mình không có cao hơn người ta. Còn có một câu nữa rất hay: “Chiều cao người đàn ông tính từ vai trở lên”. (Cái đầu anh nghĩ tới cái gì. Anh ưu tư, thao thức, trăn trở cái gì?). Chữ ‘đại nhân’ nên hiểu như vậy.

Ta đã học xong phần Tứ thực. Tiếp theo là phần Danh – Sắc.

DANH PHÁP – SẮC PHÁP

1*/ DANH PHÁP

Tôi nhắc lại tại sao Kinh này gọi là Kinh Kiết Tập. Là vì ngài Xá Lợi Phất suy xét đến 14.000 khía cạnh của Kinh để rồi ngài thu gọn lại trong bài Kinh này.

‘Danh’ tiếng Pali là ‘nama’. Đặc biệt trong tiếng Đức cũng là ‘namen’, tiếng Pháp là ‘nom’ tiếng Anh là ‘noun’.

Chữ Namo trong câu Kinh “Namo Tassa Bhagavato ...” có nghĩa là ‘Con xin cúi đầu, con xin nghiêng ...’

Namati (verb): nghiêng, cúi, hướng về cái gì đó

=> Nama: - Nghĩa đen là cái tên để ám chỉ, để trở về cái gì đó.

-Nghĩa chuyên môn thì nama là sự nghiêng về, hướng vào cái đối tượng. Nên ‘nama’ cũng có nghĩa là tên gọi ám chỉ Tâm pháp. Tâm pháp đây là gì? – Thực ra chữ ‘tâm’ theo Kinh điển nguyên thủy không có chia ra quá nhiều tâm như mình bây giờ. ‘Tâm’ hay ‘thức’, ‘ý’ chỉ đơn giản là ‘cái biết’ (bare knowing). Là cái biết thuần túy không thiện không ác, không phạm không thánh. Sở dĩ có tâm này tâm nọ là do dựa vào các điều kiện sau đây: Cái biết ấy (bare knowing) dựa trên căn nào trong 6 căn, biết cảnh nào trong 6 cảnh và tâm sở (mental factors) nào đã phối hợp để cấu tạo nên nó.

Danh pháp (namadhamma) có hai: danh pháp hữu vi và danh pháp vô vi (Niết bàn). Niết bàn không có gì nói ở đây, bởi Niết bàn là sự vắng mặt của hữu vi. Ở đây nói về danh pháp hữu vi.

Danh pháp hữu vi gồm có:

Tâm (citta – bare knowing) + mental factors (tâm sở). Nên nhớ khi nói theo Kinh Tạng thì chữ ‘citta’ phải hiểu là đã bao gồm cả cetasika. Nói kiểu phân tích thì: Citta = bare knowing + mental factors (tâm sở).

Vậy danh pháp hữu vi = tâm + tâm sở. Là sự hướng về cảnh, tức là 6 cảnh.

Cái biết + thần kinh thị giác + cảnh sắc (hình dáng hay màu sắc) = tâm nhãn thức.

Cứ vậy mà hiểu ở các căn khác. Thay vì kể 6 căn 6 trần 6 thức, ở đây Ngài chỉ nói gọn toàn bộ thế giới này chỉ gồm có danh pháp và sắc pháp. Danh pháp là tâm (citta + cetasika). Tâm chỉ là cái biết, còn nói tâm thiện tâm ác phải dựa vào mental factors. Mental factors tức cetasika hay tâm sở, gồm có 3 thứ:

- Loại trung tính (neutral), gồm những khía cạnh tâm lý bắt buộc phải có để làm nên một cái tâm bất cứ là thiện ác hay phàm thánh. Ngành y gọi nó là filler.

- Bad factors, tâm sở bất thiện, tức những khía cạnh tâm lý bất thiện, ác xấu khi cộng với citta (tâm) sẽ tạo ra cái gọi là tâm bất thiện, nghiệp bất thiện.

- Good factors, tức các tâm sở tịnh hảo, những khía cạnh tâm lý tốt đẹp khi cộng với bare knowing sẽ tạo ra cái gọi là tâm thiện, nghiệp thiện. Còn cảnh nào là tốt hay xấu để tâm biết thì còn tùy hạnh nghiệp của mỗi người. Thí dụ tôi cũng có 6 căn như quý vị nhưng khi tôi nhìn cái hồ nước nó làm tôi thấy khó chịu, tôi buồn. Tôi nhớ tới một chuyện buồn, chuyện sợ hãi, một chuyện làm tôi tức giận gì đó. Còn quý vị nhìn hồ nước thì quý vị thấy vui, thấy thương thấy thú vị. Cũng cái hồ nước đó thôi. Nghe kịp không?

Bữa nay ai chưa biết A Tỳ Đàm là có thể học về tâm pháp của A Tỳ Đàm rồi đó. Gọi là Tâm gồm 2 phần: citta và cetasika.

Citta (bare knowing) : cái biết đơn giản, thuần túy không thiện ác tốt xấu.

Cái biết (tâm) này là tâm gì tùy thuộc vào 3 khía cạnh:

- Nó dựa vào căn nào (thần kinh nào) trong 6 căn.

- Nó dựa vào cảnh để tâm đó biết cảnh gì.

- Những tâm sở nào đi chung với nó.

Tâm sở thì gồm có ba: Neutral: loại này là những khía cạnh tâm lý bắt buộc phải có ở tất cả các tâm. Xin đọc lại cuốn Triết học A Tỳ Đàm (Giác Nguyên), vì chúng tôi chịu trách nhiệm sách của chúng tôi, chớ không phải chèn cuốn khác này nọ gì hết. Khi giới thiệu thì mình chỉ giới thiệu những gì mình chịu trách nhiệm thôi.

2*/ SẮC PHÁP – RUPA

Ruppati (verb): phân hủy, băng hoại => rupa

Tất cả cái gì có thể phân hủy, băng hoại, hư hao trước những điều kiện thay đổi của đất nước lửa gió thì gọi là sắc pháp (rupa).

Nhắc lại thêm về Danh pháp:

Từ chữ ‘ruppati’ mới ra chữ ‘rupa’. Còn chữ ‘nama’ nó từ cái căn ‘nam’. ‘Nam’ có nghĩa là nghiêng, cúi. Như vậy bữa nay mình học mà nếu bây giờ tôi ngưng ở đây là bà con có cái bỏ túi rồi. Như vậy mỗi ngày lễ Phật quý vị cứ đọc chữ “Nam Tassa ...”, hễ đọc Namo thì mình nhớ chữ ‘nama’. ‘Namo’ nghĩa là ‘Con xin cúi, con xin nghiêng trước Thế Tôn’. Còn danh pháp là sự cúi về, sự hướng vào, sự nghiêng về, cúi xuống cái đối tượng để mình biết. Thí dụ con mắt, hồi đó ngài Tịnh Sự thầy của tôi xài chữ ‘chong’ tức là chong vào. Con mắt thì cứ chong vào cái để nhìn như hình ảnh, màu sắc. Lỗ tai chong vào để nghe âm thanh tiếng động. Cái mũi, lưỡi cũng vậy. Cái mũi mình luôn trong tình trạng hễ có cái gì là nó biết liền. Cái thân xúc giác mình thấy mình ngồi yên vậy chớ bất cứ nóng, lạnh, tê, cái gì nói chung là xúc giác mình luôn trong tình trạng báo động, tổng động viên. Cho nên trong Kinh Đức Phật ví dụ: giống như một người gom mấy con thú: chim, cá, chồn cáo, rắn, rít vào một chỗ. Thì con chim hễ có điều kiện là nó bay lên trời. Con cá thì tìm dịp để nhảy xuống nước. Chồn cáo thì về hang, rắn rít thì lùm bụi. Có nghĩa 6 căn 6 thức của mình luôn trong tình trạng HƯỚNG VỀ 6 trần. Nên gọi là namati (verb): hướng về, nghiêng về. Cái này quan trọng lắm. Nên mỗi ngày mình đọc Namo là nhớ cái này, nhớ nó từ căn ‘nam’.

RUPA: ‘Sắc pháp’ là tất cả những gì ta gọi là vật chất trong trời đất này.

Căn bản thì Sắc pháp chỉ gồm 4 khía cạnh gốc, Pali gọi là mahabhuta: tứ đại. Tứ đại gồm:

1. Pathavi (đất): Trạng thái cứng, mềm, nặng, nhẹ, mịn, nhám, ...

2. Apo (nước): trạng thái tan chảy, ngưng tụ, kết dính.

3. Tejo (lửa): là tất cả mọi nhiệt độ. Nóng cỡ nào, lạnh cỡ nào hễ còn gọi là nhiệt độ thì nó được gọi là lửa hết.

4. Vayo (gió): là trạng thái di động, thúc đẩy, áp suất, movement (dời qua dời lại), press (áp suất).

Có nghĩa tất cả vật chất trong đời này nói gọn lại chỉ gồm đất, nước, lửa, gió. Từ 4 cái mahabhuta này có thêm 24 upadarupa (y đại sinh). 24 sắc y đại sinh – Upadarupa này bao gồm các loại sắc pháp và hình thức hoạt động của chúng. Chẳng hạn sắc tố nam/nữ (hormon), dưỡng tố (nutrition), khoảng cách giữa các tế bào và phân tử vật chất. Trạng thái linh hoạt, thích nghi của vật chất cũng

gọi là một thứ sắc pháp. Sự xuất hiện, cái biến tướng, biến chất, biến dạng, biến hình và biến mất của vật chất cũng được kể là sắc pháp. Các vị có nghe kịp không?

Các vị nhớ nghe. Vật chất nói chung gồm có 4 thứ thôi: đất nước lửa gió. Mà đất, nước, lửa, gió đây phải định nghĩa theo tinh thần A Tỳ Đàm. Chớ còn định nghĩa theo thể thường, thông thường, thường thức của mình thì không rộng được. Nói rõ ràng thì cái gọi là VẬT CHẤT trong Phật pháp cũng CHỈ LÀ NHỮNG TRẠNG THÁI TRUU TƯỢNG. Khi ta chia nhỏ một hạt cát ra một tỉ lần thì sẽ hiểu điều này.

Khi tôi nói cái gọi là vật chất trong A Tỳ Đàm nó chỉ là những trạng thái truu tượng thì bà con không tin. Bà con nghĩ nói như vậy nghe kỳ quá. Nhưng bây giờ tôi hỏi thiệt, các vị lấy hạt cát chia ra một tỉ lần, một ngàn tỉ lần đi thì các vị sẽ thấy coi có phải nó còn là trạng thái không? – Bởi vậy cho nên nói “Ngũ uẩn giai không” là như vậy đó.

Sáng nay mình học về Danh pháp, Sắc pháp, là hai thứ cấu tạo nên vũ trụ, thế giới, chúng sinh. Hai thứ đã làm nên cái gọi là DONG SANH TỬ LUÂN HỒI. Danh pháp gồm danh pháp hữu vi và danh pháp vô vi. Ở đây mình không học danh pháp vô vi vì đó là Niết bàn. Danh pháp hữu vi gồm có Tâm (citta, bare knowing): cái biết đơn thuần.

Tâm mà + Tâm sở (mental factors) thì mới lớn chuyện.

Người học A Tỳ Đàm lật bản đồ nêu Chi Pháp ra thấy rõ ràng có 121 tâm mà sao sáng nay ông nói không có tâm nhiều, tâm chỉ là một thôi? Thì tùy quý vị thôi. Có câu hay lắm. “Người không đọc sách thì đáng sợ mà người chỉ biết đọc một cuốn thì đáng sợ hơn”.

Sáng nay mình học về danh pháp và sắc pháp. Thì cái DANH là cái biết đơn thuần không thiện ác. Nó cộng với mental factors. Làm ơn nhớ cái này: mental factors nó là tâm sở có 3 phần: neutro (là thành tố, yếu tố, khía cạnh tâm lý bắt buộc phải có để cấu tạo nên tất cả các tâm thiện ác, phàm thánh.

* Tâm sở trung hòa (neutral) gồm 13: 7 trong đó là bắt buộc phải có trong tất cả tâm. 6 trong đó là optional (bất định). Nhưng 13 tâm sở này không thiện ác nên có thể đi chung với tất cả tâm.

* Bad factors gồm có 14 (chia chẻ rộng rãi 3 thứ phiền não tham sân si), khi đi với bare knowing thì sẽ tạo tâm tham, tâm sân hay tâm si.

* Good factors gồm 25 khía cạnh tâm lý tốt lành (triển khai các thiện pháp như trí tuệ, tâm úy, từ bi ...). Khi 25 factors này đi chung với bare knowing sẽ tạo ra các tâm lành, nghiệp lành.

Các vị nhớ nghe, sáng nay là tôi giảng căn bản về tâm pháp A Tỳ Đàm đó. Tôi nhắc lại như vệt nè:

“Tâm pháp A Tỳ Đàm cho ta biết rằng cái gọi là TÂM nó gồm có 2 phần:

1-Citta (bare knowing): một cái biết đơn giản không có tốt xấu phàm thánh gì hết.

Sở dĩ có thiện ác phàm thánh là vì dựa vào 3 khía cạnh:

- Một là cái biết đó dựa vào căn nào trong 6 căn, tức là thần kinh nào. Thí dụ cái biết đó dựa vào thần kinh nhãn ta gọi là thần kinh thị giác để biết cảnh sắc ta gọi đó là tâm nhãn thức. Nó dựa vào sắc ý vật để biết cảnh pháp, cảnh truu tượng thì ta gọi đó là ý thức.

- Thứ hai, tâm đó gọi là tâm thiện tâm bất thiện là vì cái bare knowing đó còn đi chung với những factors nào. Tức những khía cạnh tâm lý nào đi chung với nó. Nó là nồi nước thối, nhưng ta bỏ khoai mỡ khoai môn vào thì gọi là canh khoai mỡ canh khoai môn. Gọi là canh chua vì ta bỏ các gia vị chua và rau mùi vào trong đó ta gọi nó là canh chua. Gọi là canh rau vì ta bỏ các loại rau vào trong đó. Nhưng quan trọng nhất là mỗi cái tâm như vậy, ngoài bare knowing ra còn có factors. Factors thì có 3 loại: trung hòa (gồm 13 khía cạnh tâm lý cần có để tạo nên một cái tâm đầy đủ). Trong 13 đó có 7 cái bắt buộc phải có ở tâm. Còn 6 cái kia nó chỉ optional, tức có thể có hoặc có thể không. Nhưng cả 13 cái này đều không thiện ác, đều có thể đi hết được với tất cả tâm.

Ở đây ngài xá Lợi Phát nói thế giới này gồm hai phần như này giờ tôi nói. Còn sắc pháp là gì? – Sắc pháp là tất cả vật chất từ cái kim cương quý vị đang đeo trên người, cái răng, sợi tóc của mình cho tới đại dương rừng núi, chim muông súc vật... Tất cả cái gì thuộc về vật chất, thân xác của người của thú; hay khoáng chất đều nằm gọn trong 4 đại là đất nước lửa gió. Sở dĩ gọi 28 là vì từ 4 đại phát sinh (derived) ra các sắc tố nam nữ, dưỡng tố. Ngay cả các khoảng cách giữa các tế bào, các phân tử, nguyên tử, điện tử, proton, electron thì các khoảng đó cũng gọi là một thứ sắc pháp. Cách hoạt động của các thứ vật chất cũng gọi là sắc pháp. Thí dụ như này tôi có nói khả năng thích nghi,

khả năng linh hoạt của vật chất cũng là sắc pháp. Thí dụ có những thứ mình thấy rất cheo leo mà nó vẫn trụ được theo năm tháng. Ở Miền Điện có hòn đá nằm cheo leo bên bờ vực lở ra rớt lâu rồi mà tại sao nó không rớt. Là bởi vì nó có khả năng thích nghi, khả năng linh hoạt ngay trong tự thân của nó. Khả năng thăng bằng của vật chất cũng là sắc pháp. Rồi sự có mặt của nó, sự già cỗi, biến hình biến tướng biến dạng, biến chất và già, cuối cùng là biến mất cũng là sắc pháp.

Và tôi đã nói rồi, sắc pháp hay vật chất theo A Tỳ Đàm nói rất ráo chỉ là những trạng thái trừu tượng mà thôi. Bà con lấy một hạt cát chia ra một tỉ lần thì sẽ hiểu. Thật ra hạt cát đó không mất theo sự nghiền nát của mình. Mà nó sẽ tự mất khi thời gian nó đến (duyên đủ). Mình có nghiền nát nó ra thì những trạng thái của nó vẫn còn đó. Mình có thể phá hủy một hình thức tục đế chứ không thể làm nát chân đế được. Ta có thể phá hủy một cái bàn chứ không thể phá nát bản chất chân đế của nó. Cái bị ta phá nát chỉ là tục đế chế định. Sự vô thường trên khía cạnh chân đế mới chính là đối tượng quán chiếu của Vipassana.

Để kết thúc buổi giảng hôm nay tôi tặng quý vị một câu chuyện. Một người đến gặp vị thiền sư, nói rằng: “Con muốn được hạnh phúc”. Vị đó nói trước hết con bỏ chữ ‘con’ đi. Khi con nghĩ về con nhiều quá thì con khổ. Thứ hai, con nhớ mọi sự ở đời là tùy duyên. Duyên thích hợp cho đau khổ có mặt thì đau khổ có mặt. Duyên thích hợp cho hạnh phúc có mặt thì hạnh phúc sẽ có mặt. Chớ con muốn thì không đủ mà con phải tạo cái duyên. Con đang sống bằng cái duyên bất thiện thì làm sao hạnh phúc được. Cho nên chữ muốn không xài được. Bỏ chữ ‘con’ chữ ‘muốn’, rồi tới chữ ‘được’. Ngày nào còn ám bởi chữ ‘được’ thì con sẽ bị chữ ‘mất’ nó hành hạ. Cuối cùng chữ ‘hạnh phúc’, thì hạnh phúc là gì? Hạnh phúc vốn dĩ là mặt trái của đau khổ. Hạnh phúc nó là GIẢI PHÁP của đau khổ. Đó thì ăn là hạnh phúc. Khát thì uống là hạnh phúc. Thương nhớ quá gặp mặt là hạnh phúc. Tê mỏi quá được đứng được ngồi thoải mái là hạnh phúc. Như vậy “Con muốn được hạnh phúc” thì con bỏ từ từ từng chữ trong đó thì con được hạnh phúc, vì con đang lìa bỏ lớp vỏ tục đế chế định. Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành nhiều mộng đẹp./.

XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.
